

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán của Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 6 Hà Nội

Bấm vào [Download](#) để tải về máy


CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Số 17, Lô 2C, Khu Đô thị Trung Yên,
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpvietnam.vn
W www.cpvietnam.vn

Số. 318/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà số 6 Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 06/04/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 04 đến trang 25 kèm theo:

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Tại thời điểm 31/12/2011, Công ty đang ghi nhận khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số dư là 622.643.298.027 đồng. Trong đó, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thuộc nguồn vốn Ngân sách thành phố là 480.118.004.276 đồng. Chúng tôi chỉ thực hiện các thủ tục kiểm toán thông thường nhằm mục đích đưa ra ý kiến cho Báo cáo tài chính của Công ty mà không nhằm đưa ý kiến về giá trị quyết toán các công trình. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty chưa thu thập đầy đủ Báo cáo tài chính của Các công ty con và các Công ty liên kết, do đó chúng tôi không thực hiện đánh giá về các tổn thất tài chính (nếu có) đối với các khoản đầu tư dài hạn nêu trên

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề tại Hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2012

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1009/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		567.406.680.964	437.110.524.930
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.310.894.921	79.069.761.939
1. Tiền	111	5.1	61.310.894.921	9.069.761.939
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	70.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.410.545.943	78.506.985.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	46.410.545.943	78.506.985.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.069.922.487	175.470.154.265
1. Phải thu khách hàng	131		127.223.682.737	149.325.915.971
2. Trả trước cho người bán	132		40.920.647.293	27.951.317.925
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	46.563.474.656	2.997.109.770
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8.637.882.199)	(4.804.189.401)
IV- Hàng tồn kho	140		242.679.237.090	92.076.989.633
1. Hàng tồn kho	141	5.4	242.679.237.090	92.076.989.633
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		10.936.080.523	11.986.634.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.066.717	107.238.539
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	10.847.013.806	11.879.395.554
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		747.063.493.766	710.645.631.432
II Tài sản cố định	220		641.642.905.939	644.197.190.768
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	18.999.607.912	9.742.631.531
- Nguyên giá	222		26.171.434.513	14.261.002.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.171.826.601)	(4.518.371.010)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		4.092.845.449	4.092.845.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.092.845.449)	(4.092.845.449)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	622.643.298.027	634.454.559.237
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	-	2.130.022.986
1. Nguyên giá	241		321.289.200	3.922.056.240
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(321.289.200)	(1.792.033.254)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	96.904.676.000	49.547.223.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		10.600.000.000	15.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		57.105.452.400	3.948.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		29.199.223.600	30.199.223.600
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.515.911.827	14.771.194.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	8.515.911.827	14.771.194.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.314.470.174.730	1.147.756.156.362

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		689.070.566.175	552.292.004.411
I- Nợ ngắn hạn	310		607.420.215.415	482.807.139.851
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	194.185.374.577	148.422.542.545
2. Phải trả người bán	312		171.562.239.524	106.323.835.425
3. Người mua trả tiền trước	313		57.426.810.917	13.442.174.473
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	23.618.167.857	21.317.224.012
5. Phải trả người lao động	315		1.126.895.416	-
6. Chi phí phải trả	316	5.13	40.128.069.816	44.322.653.284
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	112.323.077.319	143.473.203.929
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		7.049.579.989	5.505.506.183
II- Nợ dài hạn	330		81.650.350.760	69.484.864.560
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	74.518.311.267	66.369.972.267
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	4.024.311.200	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		367.728.293	374.892.293
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.17	2.740.000.000	2.740.000.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		625.399.608.555	595.464.151.951
I- Vốn chủ sở hữu	410		625.399.608.555	595.464.151.951
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18	26.265.648.000	26.265.648.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.18	45.792.454.535	18.735.679.469
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.18	13.986.830.849	11.043.875.543
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18	4.912.209.154	6.759.097.945
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		454.442.466.017	452.659.850.994
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.314.470.174.730	1.147.756.156.362

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng



Ngô Văn Đồng

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	436.649.030.760	360.721.096.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		436.649.030.760	360.721.096.575
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	439.664.465.245	296.887.035.315
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(3.015.434.485)	63.834.061.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	18.994.271.866	3.762.765.055
7. Chi phí tài chính	22	5.22	4.912.636.818	2.827.566.139
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.640.842.534	2.402.027.979
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.908.618.671	7.770.373.914
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(2.842.418.108)	56.998.886.262
11. Thu nhập khác	31	5.23	83.980.769.875	1.091.140.781
12. Chi phí khác	32	5.24	2.191.315.370	1.159.383.008
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		81.789.454.505	(68.242.227)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		78.947.036.397	56.930.644.035
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	19.782.930.286	14.232.661.009
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		59.164.106.111	42.697.983.026
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	8.326	5.986

Kế toán trưởng



Ngô Văn Đông

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2012
 Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình

